

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XVI

### Phẩm 8: PHẠM HẠNH 2

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tư duy của Đại Bồ-tát là chân thật, của Thanh văn và Duyên giác đều chẳng chân thật. Vì sao tất cả chúng sinh không nhờ oai lực của Bồ-tát để được an lạc? Nếu chúng sinh thật sự không an lạc, thì nên biết tâm từ mà Bồ-tát đã tu tập chẳng có gì lợi ích!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tâm từ của Bồ-tát là rất lợi ích. Này thiện nam! Có các chúng sinh nhất định thọ khổ, hoặc có chúng sinh chắc chắn không bị khổ. Chúng sinh nào nhất định thọ khổ thì tâm từ của Bồ-tát không có lợi ích, vì đó là hàng Nhất-xiển-đề. Nếu có chúng sinh không nhất định thọ khổ, thì tâm từ của Bồ-tát có lợi ích, vì khiến cho các chúng sinh đều được an vui. Này thiện nam! Ví như có người từ xa nhìn thấy sư tử, hổ, báo, chó sói, quỷ La-sát v.v... tự nhiên thấy sợ hãi, đi đêm thấy gốc cây cũng sợ hãi. Này thiện nam! Những người thấy như vậy tự nhiên sợ hãi. Cũng như vậy, chúng sinh thấy người tu hành tâm từ, tự nhiên được an lạc. Này thiện nam! Vì ý nghĩa ấy, Bồ-tát tu hành tâm từ là tư duy chân thật, chẳng phải là không lợi ích. Này thiện nam! Ta nói tâm từ này có vô lượng môn, đó là thần thông. Này thiện nam! Như Đề-bà-đạt-đa bảo vua A-xà-thế làm hại Như Lai. Lúc ấy, Ta vào thành Vương-xá tuần tự khát thực, vua A-xà-thế liền thả voi say Hộ Tài để hại Ta và các đệ tử. Khi đó, voi say đạp chết vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Chúng sinh chết mùi máu tanh bốc lên, voi ngửi thấy nên càng thêm hung tợn.

Thấy Ta và chúng Tăng đều mặc y phục màu đỏ, voi tưởng là máu nên cứ xông thẳng đến. Các đệ tử chưa lia dục nên chạy tứ tán, chỉ còn lại A-nan. Bấy giờ, tất cả dân chúng trong thành Vương-xá đồng cất tiếng kêu gào than khóc: “Quái lạ thay! Hôm nay Đức Như Lai sẽ nhập diệt mất, sao Đấng Chánh Giác chỉ trong phút chốc bị hại như thế!”. Đề-bà-đạt-đa thì vui mừng: “Sa-môn Cù-đàm bị hại chết thật là tốt, từ đây về sau không còn ở đời nữa. Thật là vui! Với kế này, ta được toại nguyện rồi!”. Này thiện nam! Bấy giờ, để điều phục voi Hộ Tài, Ta liền nhập định từ, duỗi cánh tay chỉ về phía voi. Lập tức, từ năm ngón tay xuất hiện năm con sư tử. Voi thấy sư tử nên rất sợ hãi, nó liền phục sát đất kính lễ dưới chân Ta. Này thiện nam! Nơi năm ngón tay của Ta bấy giờ thật ra không có sư tử, đó là do sức căn lành tu từ nên làm cho voi say được điều phục. Lại nữa, này thiện nam! Ta muốn nhập Niết-bàn nên khởi hành đi đến thành Câu-thi-na. Trên đường đi có năm trăm lực sĩ đang sửa sang dọn quét đường sá. Giữa đường có một tảng đá ai cũng muốn khiêng bỏ đi nhưng không nổi dù đã cố hết sức. Lúc ấy, Ta thương xót họ liền khởi tâm từ. Các lực sĩ thấy Ta dùng ngón chân cái hất tảng đá lớn văng lên hư không rồi lại dùng tay hứng lấy tảng đá đặt trên bàn tay phải, thổi tảng đá nát ra thành bụi rồi làm cho bụi kết lại thành tảng đá, làm cho tâm cao ngạo của các lực sĩ kia tiêu tan. Ta liền vì họ giảng nói sơ lược điều cốt yếu của giáo pháp, khiến cho họ đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc đó, Như Lai thật không dùng ngón chân để hất tảng đá văng lên hư không, và cũng không để tảng đá lên bàn tay phải, thổi nát thành bụi, và làm bụi kết lại thành tảng đá như cũ. Này thiện nam! Nên biết đó là nhờ sức căn lành của tâm từ khiến các lực sĩ thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Nước Nam Thiên Trúc này có một thành lớn tên là Thủ-ba-la. Trong thành ấy có vị trưởng giả tên là Lô Chí, làm người dẫn đường cho mọi người. Ông đã ở nơi vô lượng Phật đời quá khứ vun trồng các căn lành. Này thiện nam! Tất cả dân chúng trong thành ấy đều tin theo tà đạo, phụng sự phái Ni-kiền-tử. Lúc ấy, vì muốn hóa độ trưởng giả đó, Ta từ thành Vương-xá đi đến

thành kia, đường đi từ Vương-xá đến đó dài sáu mươi lăm do-tuần, Ta đi bộ đến đó để hóa độ cho mọi người. Phái Ni-kiền-tử nghe Ta sắp đến thành Thủ-ba-la, liền nghĩ: “Nếu Sa-môn Cù-đàm đến đây thì dân chúng thành này sẽ không cung cấp cho chúng ta nữa, chúng ta khốn khổ lấy gì mà sống!”. Các Ni-kiền-tử chia ra, đi khắp nơi báo với người trong thành: “Sa-môn Cù-đàm sắp đến đây. Sa-môn ấy từ bỏ cha mẹ, giông ruổi khắp nơi, ông ấy đến đâu thì ở địa phương đó mất mùa, dân chúng đói khát, nhiều người tử vong, bệnh dịch lây lan không thể cứu chữa. Cù-đàm vô lại, dắt theo toàn những quỷ thần La-sát hung ác làm tùy tùng. Những kẻ không mẹ, không cha, bần cùng, cô độc mới đến xin làm môn đồ ông ta. Những điều ông ta dạy toàn là hư vọng; ông ta đến nơi nào, nơi ấy chẳng được an vui”. Mọi người nghe xong đều rất sợ hãi, cúi đầu kính lễ sát chân Ni-kiền-tử thưa: “Thưa Đại sư! Hôm nay chúng tôi phải làm kế gì?”. Ni-kiền-tử bảo: “Sa-môn Cù-đàm tánh thích những chỗ có rừng cây, suối chảy, nước trong, ở ngoài thành nếu có thì các ông hãy phá hoại đi. Các ông hãy cùng nhau đi ra ngoài thành, đến những chỗ ấy đốn chặt hết, chớ bỏ sót, ở các sông, suối, hồ, giếng, hồ đều đem phân dơ rải xuống, đóng chặt cửa thành, mọi người trang bị vũ khí, đắp lũy phòng hộ rồi tự cố thủ. Giả sử ông ấy có đến thì không cho vào, ông ta không vào thì các ông mới an ổn. Chúng tôi cũng sẽ dùng các pháp thuật để làm cho Cù-đàm phải rút lui”. Dân chúng thành ấy nghe những lời như thế rồi, vâng kính làm theo. Họ đốn hết cây cối, làm dơ bẩn các dòng nước và trang bị vũ khí, phòng hộ kiên cố. Này thiện nam! Bấy giờ, Ta đến thành ấy, chẳng thấy vườn rừng cây cối, chỉ thấy những người mang vũ khí đang phòng vệ trên thành. Thấy việc như vậy, Ta rất thương xót, liền hướng tới họ khởi tâm từ. Tất cả cây cối đều mọc lên như cũ, lại mọc lên nhiều cây khác không thể tính kể, nước trong các sông, suối, hồ, giếng đều sạch sẽ, trong vắt, tràn đầy, như lưu ly xanh, nhiều loại hoa phủ đầy mặt nước, thành quách đều biến thành lưu ly xanh biếc, dân chúng trong thành đều được thấy rõ Ta và đại chúng, cửa thành tự mở rộng ra không thể giữ nổi, các vũ khí đều biến thành nhiều loại hoa. Trưởng giả Lô Chí dẫn đầu dân chúng trong thành, cùng nhau đi đến chỗ Phật. Ta

liền vì họ giảng nói những pháp cốt yếu, khiến cho tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Ta không hóa ra các loại cây cối và nước sạch tràn đầy sông hồ và cũng không biến thành ấy thành lưu ly xanh biếc, khiến dân chúng trong thành thấy rõ Ta, cửa thành tự mở và các vũ khí đều thành hoa. Này thiện nam! Nên biết đó đều là nhờ sức căn lành của tâm từ có thể khiến những người kia thấy được những việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Trong thành Xá-vệ, có một nàng Bà-la-môn tên là Bà-tư-tra, chỉ có một đứa con nên nàng rất yêu quý. Đứa bé bị bệnh chết, người mẹ vô cùng buồn rầu nên điên cuồng mất trí, lỏa thân không biết xấu hổ, nàng lang thang khắp các nẻo đường, khóc la thất thanh: “Con ơi là con! Con bỏ mẹ đi đâu!”. Rồi lại đi khắp các thành ấp không biết mệt mỏi. Người mẹ này vào đời Phật quá khứ đã có gieo trồng cội rễ phước đức. Này thiện nam! Ta đối với người này khởi tâm từ. Lúc ấy, người mẹ liền thấy Ta tưởng là con mình, nàng tỉnh táo trở lại, chạy đến ôm Ta và âu yếm như với con mình. Khi ấy, Ta bảo thị giả A-nan: “Ông hãy đem y phục cho người phụ nữ này”. Cho y phục xong, Ta liền vì nàng ấy thuyết giảng các pháp yếu. Nàng nghe pháp xong vô cùng hoan hỷ và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Ta không phải là con của nàng ấy, nàng ấy cũng chẳng phải mẹ Ta và cũng không ôm Ta. Này thiện nam! Nên biết, đó đều là do sức căn lành của tâm từ đã khiến cho người phụ nữ ấy nhìn thấy những việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ở nước Ba-la-nại có Ưu-bà-di tên là Ma-ha-tư-na-đạt-đa, đã vun trồng các căn lành nơi vô lượng chư Phật thời quá khứ. Trong ba tháng hạ, Ưu-bà-di này xin cúng dường thuốc thang cho chư Tăng. Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo bị bệnh rất nặng, thầy thuốc xem mạch bảo là phải dùng thịt làm thuốc, nếu có thịt thì bệnh mới có thể lành, còn nếu không có thịt thì không thể bảo toàn tính mạng. Khi ấy, nghe thầy thuốc nói, Ưu-bà-di liền đem vàng ròng đến khắp chợ búa, làng xóm v.v... nói lớn: “Ai có thịt bán tôi sẽ mua bằng vàng, nếu có thịt thì sẽ đổi bằng với vàng”. Tuy đã tìm khắp thành thị nhưng không có, Ưu-bà-di liền tự tay cầm dao cắt

thịt nơi bắp vế của mình, đem nấu canh, bỏ gia vị vào rồi đem đến dâng cúng cho Tỳ-kheo bệnh. Vị Tỳ-kheo dùng xong liền được lành bệnh. Lúc ấy, do vết thương quá nặng nên Ưu-bà-di đau đớn, không thể chịu đựng được nữa, liền niệm: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà!”. Bấy giờ, Ta đang ở tại thành Xá-vệ, nghe tiếng niệm kia, nên vì Ưu-bà-di ấy mà khởi tâm đại từ, vị Ưu-bà-di ấy liền thấy Ta đem thuốc đến đắp lên chỗ đau, vết thương lành lại như cũ. Ta liền vì Ưu-bà-di mà thuyết pháp. Ưu-bà-di nghe pháp xong, hoan hỷ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, Ta thật sự không đem thuốc đến thành Ba-la-nại để đắp lên vết thương cho Ưu-bà-di kia. Này thiện nam! Nên biết đó đều là do năng lực căn lành của tâm từ đã khiến cho Ưu-bà-di ấy thấy sự việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Kẻ ác Điều-đạt tham lam không biết đủ, ăn nhiều váng sữa nên nhức đầu, đau bụng. Vì đau đớn, khổ sở không thể chịu đựng được nên phát ra lời như vậy: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà!”. Khi ấy, Ta đang ở trong thành Ưu-thiên-ni, nghe tiếng đó liền phát khởi tâm từ. Bấy giờ, Điều-đạt liền thấy Ta đến chỗ của ông ta, lấy tay xoa đầu, xoa bụng và đưa thuốc muối cho uống, uống xong được bình phục. Này thiện nam! Ta thật sự không đến chỗ của Điều-đạt để xoa đầu, xoa bụng và đưa thuốc cho uống. Này thiện nam! Nên biết, đó đều là do sức căn lành của tâm từ đã khiến cho Điều-đạt thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ở nước Kiêu-tát-la có năm trăm giặc cướp, chúng kết thành bè đảng, ngang nhiên cướp bóc, làm hại rất nhiều. Vua Ba-tư-nặc lo lắng về hành động bạo ngược đó nên sai binh lính dò xét, vây bắt. Sau khi bắt được, vua liền ra lệnh khoét mắt, rồi đem thả trong rừng sâu. Bọn giặc cướp ấy đã trồng nhiều cội gốc công đức nơi Phật quá khứ, nên khi đã không còn mắt, chịu nhiều đau đớn, khốn khổ, liền đều xưng lên: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Hôm nay, chúng con không ai cứu giúp!”. Họ gào khóc thê thảm. Khi ấy, Ta ở tại Tinh xá Kỳ Hoàn, nghe lời ấy rồi, phát sinh lòng từ. Lúc đó, có luồng gió mát thổi các loại thuốc thơm từ núi Hương đến đầy trong hốc mắt của họ, lập tức mắt họ trở lại như cũ không khác. Khi mở mắt, họ liền thấy Như Lai đứng trước

mặt vì họ mà thuyết pháp. Bọn cướp ấy nghe pháp xong, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Ta không làm gió thổi các loại thuốc thơm từ núi Hương đến, cũng không đến trước họ để thuyết pháp. Này thiện nam! Nên biết đó đều là do sức căn lành của lòng từ đã khiến bọn cướp kia thấy những việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Vì ngu si nên thái tử Lưu Ly phế bỏ vua cha, tự lập làm vua, lại nhớ đến sự hiềm khích trước kia mà giết hại nhiều người dòng họ Thích, bắt một vạn hai ngàn phụ nữ dòng họ Thích, cắt tai, xẻo mũi, chặt đứt tay chân rồi xô họ xuống hầm. Những phụ nữ ấy rất khổ sở, họ bèn niệm: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Hiện nay chúng con không có ai cứu giúp”, rồi than khóc thảm thiết. Những phụ nữ này ở nơi Phật đời quá khứ gieo trồng các căn lành. Bấy giờ, Ta đang ở Tinh xá Trúc Lâm, nghe âm thanh của họ liền khởi lòng từ. Những người phụ nữ ấy lúc đó thấy Ta đến thành Ca-tỳ-la dùng nước rửa vết thương, dùng thuốc đắp vào vết thương, làm cho không còn đau đớn. Tai, mũi, tay, chân đều có lại như cũ. Ta liền nói pháp cốt yếu cho họ, khiến cho tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và đến nơi Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo xuất gia, thọ giới cụ túc. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Như Lai không có đến thành Ca-tỳ-la, không dùng nước rửa vết thương và thoa thuốc làm cho hết đau đớn. Này thiện nam! Nên biết đó đều là nhờ sức căn lành của lòng từ khiến các phụ nữ ấy thấy những việc như vậy. Tâm bi và tâm hỷ cũng như vậy. Này thiện nam! Vì ý nghĩa ấy nên Đại Bồ-tát tu tư duy từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Này thiện nam! Những tâm vô lượng đều là không thể nghĩ bàn, sự tu hành của Bồ-tát không thể nghĩ bàn, sự hành hóa của chư Phật cũng không thể nghĩ bàn, kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa này cũng không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành tâm Từ, Bi, Hỷ rồi, được an trú ở địa Cực ái nhất tử (rất mực thương yêu con một). Này thiện nam! Vì sao địa ấy gọi là Cực ái nhất tử? Này thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con mình an ổn thì rất vui mừng. Đại Bồ-tát an trú trong địa này cũng như vậy, xem các chúng sinh như con một, thấy

họ tu hành điều lành nên rất hoan hỷ. Vì thế, địa này có tên là Cực ái (rất mực thương yêu). Nay thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con đau ốm thì họ rất lo buồn, thương yêu lo lắng, không một phút tạm rời. Đại Bồ-tát an trú trong địa này cũng như vậy, thấy các chúng sinh bị bệnh phiền não ràng buộc, Bồ-tát rất lo rầu thương tưởng như con, đến nỗi các lỗ chân lông trên thân đều rỉ máu. Vì vậy địa này có tên là Nhất tử (con một). Nay thiện nam! Như đứa bé bốc đất tro, phân dơ, gạch đá, xương khô hoặc nhánh cây bỏ vào miệng, cha mẹ thấy vậy lo cho con bị bệnh, tay trái ôm đầu con, tay phải móc ra. Đại Bồ-tát an trú trong địa này cũng vậy, thấy pháp thân của các chúng sinh chưa tăng trưởng, lại tạo các nghiệp bất thiện về thân, khẩu, ý. Bồ-tát thấy vậy rồi liền dùng cánh tay trí tuệ cứu giúp cho họ, khiến họ thoát khỏi, không muốn cho họ bị trôi lăn trong sinh tử chịu các khổ não. Vì vậy, nên địa này lại có tên là Nhất tử. Nay thiện nam! Ví như đứa con mà cha mẹ thương yêu bị chết đi, cha mẹ buồn khổ muốn cùng chết theo con. Bồ-tát cũng vậy, thấy hàng Nhất-xiển-đề bị đọa vào địa ngục, cũng nguyện cùng họ sinh vào địa ngục. Vì sao? Vì nếu hàng Nhất-xiển-đề trong lúc đang chịu khổ, chỉ sinh một tâm niệm hối cải, Bồ-tát sẽ vì họ giảng nói đủ các loại pháp khiến họ được sinh một niệm lành. Vì thế nên địa này lại có tên là Nhất tử. Nay thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con, đứa con ấy thức ngủ, đi đứng, nằm ngồi v.v... cha mẹ luôn nhớ tưởng, nếu con có lỗi lầm thì cha mẹ khéo léo dạy dỗ chứ không ghét bỏ con. Đại Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ hay ở trong cõi trời, người làm nhiều điều thiện, ác Bồ-tát luôn nhớ tưởng, không hề buông bỏ. Nếu có chúng sinh tạo nghiệp ác, Bồ-tát chẳng giận, chẳng ghét bỏ họ. Vì vậy nên địa này lại có tên là Nhất tử (con một).

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy lời lẽ sâu xa. Nay trí tuệ của con cạn kiệt làm sao có thể hiểu được. Nếu các Bồ-tát trụ địa Nhất tử có thể được như thế, sao Như Lai thuở xưa làm vị quốc vương thực hành hạnh Bồ-tát lại giết hại ngàn ấy thân mạng Bà-la-môn. Nếu đạt được địa này thì đáng lẽ phải hộ niệm, còn nếu không đạt được

thì vì nhân duyên gì mà không bị đọa vào địa ngục? Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sinh giống như con, tưởng như La-hầu-la, thì sao lại nói với Đề-bà-đạt-đa như vậy: “Ông là người ngu si, không biết hổ thẹn, ăn nước miếng, nước mủ của người khác”, khiến cho ông ta nghe rồi sân hận phát khởi tâm ác, hại thân Phật ra máu. Đề-bà-đạt-đa tạo nghiệp ác này rồi, Như Lai lại nói sẽ bị đọa vào địa ngục chịu tội trong một kiếp. Bạch Thế Tôn! Những lời như vậy sao lại không trái nghịch với nghĩa lý. Bạch Thế Tôn! Tôn giả Tu-bồ-đề trụ vào địa Hư không, phạm khi muốn vào thành khát thực trước hết cần phải quán sát mọi người, nếu có ai ganh ghét mình thì không đi, cho đến quá đói cũng không đi khát thực. Vì sao? Vì Tôn giả Tu-bồ-đề thường nghĩ như vậy: “Nhớ lại thuở xưa, ta đối với ruộng phước phát khởi một niệm ác, do nhân duyên này mà bị đọa vào địa ngục lớn chịu đủ các khổ. Hôm nay, ta thà chịu đói cả ngày không ăn, quyết không làm cho họ khởi tâm ganh ghét đối với ta mà bị đọa vào địa ngục, chịu khổ não”. Lại suy nghĩ: “Nếu có chúng sinh không muốn ta đứng thì ta sẽ ngồi yên suốt ngày không đứng dậy. Nếu có chúng sinh không muốn ta ngồi thì ta sẽ đứng suốt ngày không dời chỗ. Đi và nằm cũng vậy”. Tôn giả Tu-bồ-đề vì cứu giúp chúng sinh mà còn khởi tâm như vậy, huống gì là Bồ-tát. Bồ-tát nếu đạt được địa Nhất tử thì sao Như Lai lại nói lời thô như vậy, khiến cho các chúng sinh khởi tâm cực ác?

–Này thiện nam! Nay ông không nên gạn hỏi như vậy: “Phật Như Lai tạo ra nhân duyên phiền não cho chúng sinh”. Này thiện nam! Giả sử vò con muỗi có thể hút hết nước tận đáy biển, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử làm cho mặt đất đều không còn màu sắc, nước thành tướng cứng, lửa thành tướng lạnh, gió thành tướng trụ, Phật tánh của Ba ngôi báu và cả hư không làm thành tướng vô thường, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử có người phạm bốn tội cực nặng và hạng Nhất-xiển-đề chê bai chánh pháp mà hiện tại được thành tựu mười lực, bốn vô úy, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các



chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử hàng Thanh văn và Phật-bích-chi v.v... mà thường trụ không biến đổi, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử hàng Bồ-tát Thập trụ mà phạm bốn tội cực nặng, làm hạng Nhất-xiển-đề chê bai chánh pháp, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử vô lượng chúng sinh diệt hết Phật tánh, Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử tung lưới lên có thể hứng được gió, răng có thể phá được sắt, móng tay có thể hủy hoại núi Tu-di, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Thà cùng ở chung một chỗ với rắn độc, đưa hai tay của mình vào miệng sư tử đói, lấy than hồng để tắm rửa chứ không nên nói Như Lai Thế Tôn làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Như Lai thật sự có thể làm cho chúng sinh đoạn trừ phiền não, không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho họ.

Này thiện nam! Như ông đã nói, thuở xưa, Như Lai đã giết hại Bà-la-môn. Này thiện nam! Cho đến con kiến Đại Bồ-tát còn không cố ý giết huống là Bà-la-môn! Bồ-tát luôn dùng đủ mọi phương tiện để bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Phạm bố thí thức ăn tức là bố thí mạng sống. Đại Bồ-tát khi thực hành Bố thí Ba-la-mật, luôn bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Người giữ giới không sát sinh thì được sống lâu. Đại Bồ-tát khi thực hành Trì giới Ba-la-mật là ban vô lượng thọ mạng cho tất cả chúng sinh. Này thiện nam! Giữ miệng cẩn thận không lỗi lầm thì thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát lúc thực hành Nhẫn nhục Ba-la-mật luôn khuyên chúng sinh đừng phát sinh tưởng oán ghét, đem những việc phải về người, những việc trái về mình, không tranh cãi thì thọ mạng lâu dài. Cho nên, Bồ-tát lúc thực hành Nhẫn nhục Ba-la-mật là đã bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Siêng năng tu tập hạnh lành thì được thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát thực hành Tinh tấn Ba-la-mật luôn khuyên chúng sinh siêng năng tu tập pháp thiện. Chúng sinh thực hành xong thì được thọ mạng vô lượng. Cho nên, Bồ-tát lúc thực hành Tinh tấn Ba-la-mật là đã bố thí

vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Nay thiện nam! Người tu tập về nhiếp tâm thì được thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát lúc thực hành Thiền Ba-la-mật luôn khuyên các chúng sinh tu tập tâm bình đẳng. Chúng sinh thực hành xong, liền được thọ mạng lâu dài. Cho nên, khi Bồ-tát thực hành Thiền Ba-la-mật là đã bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Nay thiện nam! Đối với pháp thiện mà không buông lung thì được thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát khi thực hành Trí tuệ Ba-la-mật, khuyên các chúng sinh không buông lung đối với các pháp thiện. Chúng sinh thực hành xong, nhờ nhân duyên này nên thọ mạng lâu dài. Cho nên, Bồ-tát khi thực hành Trí tuệ Ba-la-mật là đã bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Nay thiện nam! Vì nghĩa này nên Đại Bồ-tát không bao giờ giết hại mạng sống của chúng sinh. Nay thiện nam! Như vừa rồi ông hỏi, lúc giết hại Bà-la-môn, Ta có đạt được địa ấy không, thì Nay thiện nam! Lúc đó Ta đã đạt được địa ấy (Cực ái nhất tử), vì lòng thương nên mới giết họ, không phải là tâm ác. Nay thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất mực thương yêu, đứa con ấy phạm pháp luật nhà nước, tội rất nặng. Lúc ấy, vì quá sợ hãi nên cha mẹ hoặc đuổi, hoặc giết. Tuy cha mẹ đuổi hoặc giết nhưng không hề có tâm ác. Đại Bồ-tát hộ trì chánh pháp cũng như vậy, có chúng sinh nào chê bai Đại thừa, Bồ-tát liền dùng roi đánh thật đau để trị, hoặc giết chết, vì muốn làm cho họ hối cải trở lại tu tập pháp thiện. Bồ-tát thường phải tư duy như vậy: “Dùng nhân duyên gì để có thể khiến cho chúng sinh phát khởi lòng tin, tùy theo điều kiện thuận tiện của họ mà thực hành những việc cần thiết?”. Các Bà-la-môn sau khi chết bị đọa vào địa ngục A-tỳ, liền suy nghĩ ba việc: Một là tự suy nghĩ: “Ta từ nơi nào mà sinh vào đây?”, liền biết là từ trong loài người. Hai là tự suy nghĩ: “Nơi ta sinh ra là nơi nào?”, liền biết đây là địa ngục A-tỳ. Ba là tự suy nghĩ: “Do nghiệp duyên gì mà bị đọa vào đây?”, liền biết là do chê bai kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, không tin nhân duyên, bị nhà vua giết nên đọa vào đây. Suy nghĩ những việc như vậy rồi, họ liền phát sinh lòng kính tin đối với kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Sau khi chết, được sinh vào cõi nước của Như Lai Cam Lộ Cổ, sống lâu đủ mười kiếp. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên thuở xưa, Ta ban cho

họ sống lâu mười kiếp, sao gọi là giết hại? Này thiện nam! Có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt thây chết, mắng nhiếc, đánh đập, do nhân duyên này bị đọa vào địa ngục không?

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu rõ ý nghĩa lời Phật dạy, thì người đó phải bị đọa vào địa ngục. Vì sao? Thuở xưa, như Phật nói pháp cho hàng Thanh văn: Này các Tỳ-kheo! Đối với các cây cỏ cháy rụi cũng đừng khởi tâm ác. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh do tâm ác nên bị đọa vào địa ngục.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói, nên khéo léo giữ gìn. Này thiện nam! Nếu ai do tâm ác mà bị đọa vào địa ngục thì lúc đó Bồ-tát thật sự không có tâm ác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh cho đến loài côn trùng, con kiến v.v... đều thương xót, làm cho họ được lợi ích. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo léo biết rõ các nhân duyên phước thiện nên dùng sức phước thiện khiến cho chúng sinh gieo trồng các căn lành. Này thiện nam! Vì nghĩa này, nên lúc ấy Ta dùng phước thiện khéo léo, tuy giết hại họ nhưng chẳng có tâm ác. Này thiện nam! Theo phép tắc của Bà-la-môn, thì dù giết hại loài kiến đầy mười xe cũng không có tội báo, cho đến muỗi, ruồi, rận, rệp, mèo, chồn, sư tử, hổ, chó sói, gấu, các loại trùng độc, thú dữ và những loài có thể làm hại chúng sinh như: Quỷ thần, La-sát, Cưu-bàn-trà, Ca-la, Phú-đơn-na, điên cuồng, khô héo, các quỷ thần v.v..., nếu ai giết hại chúng đầy cả mười xe cũng không có tội báo, nếu giết người ác thì có tội báo. Sau khi giết, nếu không sám hối thì bị đọa làm ngựa quỷ; nếu sám hối, tuyệt thực ba ngày thì tội ấy hoàn toàn tiêu mất; nếu giết Hòa thượng, giết cha mẹ, người nữ, loài bò thì bị đọa vào địa ngục trong vô số ngàn năm. Này thiện nam! Chư Phật và Bồ-tát biết sát sinh có ba bậc, đó là hạ, trung và thượng. Bậc hạ là từ con kiến cho đến tất cả các loài súc sinh, chỉ trừ Bồ-tát thị hiện thọ sinh. Này thiện nam! Do nhân duyên nguyện lực nên Bồ-tát thị hiện làm súc sinh gọi là sát sinh bậc hạ. Vì nhân duyên sát sinh bậc hạ nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngựa quỷ,

chịu đủ các khổ bậc hạ. Vì sao? Vì các loài súc sinh có rất ít căn lành. Do đó, người sát sinh phải chịu đủ các tội báo gọi là sát sinh bậc hạ. Sát sinh bậc trung là từ người phạm phu đến A-na-hàm, đây gọi là sát sinh bậc trung. Do nghiệp nhân này nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, chịu đủ các khổ bậc trung, đây gọi là sát sinh bậc trung. Sát sinh bậc thượng là từ cha mẹ cho đến A-la-hán, Phật-bích-chi và Bồ-tát Bất thoái chuyển, đây gọi là bậc thượng. Do nghiệp duyên này nên bị đọa vào đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ các khổ bậc thượng, gọi là sát sinh bậc thượng. Nay thiện nam! Có người nào giết hại Nhất-xiển-đề thì không thuộc về ba bậc sát sinh này. Nay thiện nam! Tất cả các Bà-la-môn kia đều là Nhất-xiển-đề. Ví như đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt cây chết, mắng nhiếc, đánh đập v.v... đều không có tội báo. Giết hại Nhất-xiển-đề cũng như vậy, không có tội báo. Vì sao? Vì các Bà-la-môn không có năm căn như Tín v.v... cho nên, tuy có sát hại họ nhưng vẫn không bị đọa địa ngục.

Nay thiện nam! Lúc trước, ông đã nói Như Lai vì sao mắng Đề-bà-đạt-đa là người ngu si, ăn nước miếng. Ông cũng không nên hỏi như vậy. Vì sao? Vì lời nói của chư Phật Thế Tôn là không thể nghĩ bàn. Nay thiện nam! Nếu có lời nói chân thật làm cho mọi người ưa thích, nhưng phi thời phi pháp không có lợi ích, những lời như vậy Ta không bao giờ nói. Nay thiện nam! Nếu là lời nói thô tháo dối trá, phi thời phi pháp, người nghe không ưa thích, không có lợi ích, thì Ta cũng không nói. Nay thiện nam! Nếu là lời nói tuy thô tháo nhưng chân thật không dối trá, đúng thời, đúng pháp, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, người nghe tuy không vui nhưng Ta cần phải nói lời ấy. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn Ứng Chánh Biến Tri biết rõ các phương tiện. Nay thiện nam! Một thuở nọ, Ta ở nơi gốc cây trong một khu rừng tại thôn Khoáng dã, có một con quỷ tên là Khoáng dã, chỉ toàn ăn thịt uống máu giết hại nhiều người. Mỗi ngày con quỷ này ăn một người. Nay thiện nam! Bấy giờ, vì con quỷ, Ta nói những điều cốt yếu của pháp, nhưng vì nó hung ác, ngu si không có trí tuệ, nên không lãnh thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân làm quỷ có oai lực lớn, khiến cho cung điện của nó chấn động, không an ổn. Khi ấy, quỷ Khoáng dã cùng với quyến thuộc ra khỏi cung điện, muốn đến

chống cự. Khi quỷ Khoáng đã thấy Ta, liền thất kinh, hoảng sợ, ngất xỉu ngã xuống đất, giống như người chết. Bằng tâm từ bi, Ta lấy tay xoa lên thân quỷ, nó liền tỉnh lại, đứng dậy nói như vậy: “May mắn thay! Hôm nay, ta được sống lại! Vị đại thần vương này có đầy đủ oai đức lớn, có tâm từ bi nên tha thứ tội lỗi của ta”. Quỷ Khoáng đã phát sinh lòng tin lành đối với Ta. Ta liền hiện lại thân Như Lai, lại vì chúng mà nói những điều cốt yếu của pháp Phật, làm cho các quỷ thần kia lãnh thọ giới không sát sinh. Ngay trong ngày đó, ở thôn Khoáng dã, có một trưởng giả đáng lẽ đến lượt phải chết, mọi người trong thôn đem ông ta đến giao cho quỷ. Quỷ Khoáng dã nhận được liền đem đến cúng cho Ta. Sau khi nhận xong, Ta đặt tên cho trưởng giả là trưởng giả Thủ. Bấy giờ, quỷ Khoáng dã thưa với Ta: “Bạch Thế Tôn! Con và quyến thuộc chỉ nhờ máu thịt để nuôi mạng sống, nay đã thọ giới thì nên lấy gì để nuôi sống?”. Ta liền bảo: “Từ nay, Ta sẽ bảo hàng đệ tử Thanh văn, ở nơi nào có người tu hành theo pháp Phật đều bố thí đồ ăn thức uống cho các người”. Đây thiện nam! Vì nhân duyên này nên Ta chế giới cho các Tỳ-kheo như vậy: “Từ nay các ông phải luôn bố thí thức ăn cho quỷ Khoáng dã. Nếu ở nơi nào không bố thí, nên biết chúng ấy chẳng phải là đệ tử của Ta, mà là bè đảng, quyến thuộc của Thiên ma”. Đây thiện nam! Vì muốn điều phục chúng sinh nên Như Lai thị hiện đủ các loại phương tiện như vậy chứ chẳng phải cố ý làm cho họ sợ hãi. Đây thiện nam! Ta cũng lấy cây đánh quỷ Hộ Pháp. Lại có một hôm ở trên ngọn núi, Ta đã xô quỷ Dương Đầu rớt xuống núi. Lại ở trên ngọn cây, Ta đã xô ngã quỷ Hộ Di Hâu. Làm cho voi Hộ Tài thấy năm con sư tử. Sai thần Kim Cương làm cho Tát-giá-ni-kiền sợ hãi. Cũng lấy kim đâm vào thân quỷ Tiển Mao. Tuy làm như vậy nhưng cũng không làm cho các quỷ thần kia bị chết, mà chỉ muốn khiến cho chúng an trụ nơi chánh pháp, nên thị hiện đủ các phương tiện như vậy. Đây thiện nam! Bấy giờ, Ta thật sự không la mắng Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa cũng chẳng ngu si, ăn nước miếng, nước mũi của người khác, không bị đọa vào địa ngục A-tỳ, trong cõi ác chịu tội một kiếp, không phá hoại chúng Tăng, làm thân Phật chảy máu, chẳng phạm bốn tội cực nặng, chẳng chê bai chánh pháp và kinh điển Đại thừa,

chẳng phải Nhất-xiển-đề, cũng chẳng phải Thanh văn hay Phật-bích-chi. Này thiện nam! ĐỀ-bà-đạt-đa thật sự chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, chỉ có chư Phật mới có thể thấy, biết được. Này thiện nam! Do đó nay ông không nên gạn hỏi: “Sao Đức Như Lai lại quở trách, la mắng ĐỀ-bà-đạt-đa?”. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông không nên phát sinh lưới nghi như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như mía đem nấu liên tục thì được đủ loại vị. Con cũng như vậy, theo Phật thường nghe được nhiều pháp vị, đó là vị xuất gia, vị lìa dục, vị tịch diệt, vị đạo. Bạch Thế Tôn! Ví như vàng ròng đem nung lâu nóng chảy, tôi luyện trở nên sáng sạch, điều hòa mềm dẻo, màu sắc sáng loáng, rực rỡ, giá trị khó đo lường được, về sau mới là vật báu mà hàng trời người quý trọng. Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng như vậy, trịnh trọng thưa hỏi thì được nghe, hiểu ý nghĩa sâu xa, khiến người tu hành lãnh thọ, kính giữ để thực hành, vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, về sau mới được hàng trời người tôn trọng, cung kính cúng dường.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho các chúng sinh nên thưa hỏi Như Lai nghĩa lý sâu xa như vậy. Này thiện nam! Vì ý nghĩa này nên Ta tùy theo ý ông mà giảng nói pháp Đại Thừa Phương Đẳng bí mật, sâu xa gọi là địa Cực ái nhất tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hàng Bồ-tát tu tập Từ, Bi, Hỷ thì đạt được địa Nhất tử, còn khi tu tâm Xả thì đạt được địa nào?

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông thật khéo biết đúng thời, biết Ta muốn nói nên ông mới thưa hỏi! Đại Bồ-tát lúc tu tâm Xả thì được trụ vào Bình đẳng không, như Tu-bồ-đề. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ vào địa Bình đẳng không thì không còn thấy có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, họ hàng, bạn bè, kẻ oán hoặc người không thân không oán, cho đến không còn thấy các ấm, giới, nhập, chúng sinh và thọ mạng. Này thiện nam! Ví như hư không, không có

cha mẹ, anh em, vợ con v.v... cho đến không có chúng sinh, thọ mạng. Tất cả các pháp cũng như vậy, không có cha mẹ v.v... cho đến thọ mạng. Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp cũng như vậy, tâm của Bồ-tát bình đẳng như hư không kia. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo tu tập các pháp không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là không?

–Này thiện nam! “Không” nghĩa là Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thủ không, Tánh không, Vô sở hữu không, Đệ nhất nghĩa không, Không không và Đại không.

Đại Bồ-tát quán nội không như thế nào? Đại Bồ-tát này quán pháp bên trong là không. Pháp bên trong là không, nghĩa là không cha mẹ, kẻ oán người thân, không oán không thân, chúng sinh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng và tất cả tài sản. Trong nội pháp này tuy có Phật tánh nhưng Phật tánh này chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì sao? Vì Phật tánh là thường trụ, không biến đổi. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán về nội không. Ngoại không cũng như vậy, không có nội pháp. Nội ngoại không cũng như vậy. Này thiện nam! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng và Phật tánh là không ở nơi hai loại không. Vì sao? Vì bốn pháp như vậy là thường, lạc, ngã, tịnh, nên bốn pháp đó chẳng gọi là không. Đó gọi là nội ngoại đều không. Này thiện nam! Hữu vi không nghĩa là các pháp hữu vi đều là không, đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường, lạc, ngã, tịnh không, chúng sinh, thọ mạng, Như Lai, pháp, Tăng và Đệ nhất nghĩa không. Trong đó, Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi, cho nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Đó là hữu vi không. Này thiện nam! Đại Bồ-tát quán vô vi không như thế nào? Pháp vô vi ấy đều là không, đó là không có vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ấm, giới, nhập, tướng chúng sinh, thọ mạng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp và ngoại pháp. Trong pháp vô vi, bốn pháp: Phật v.v... chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi. Vì tánh là thiện nên chẳng phải vô vi, tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đó gọi là Bồ-tát

quán vô vi không. Đại Bồ-tát quán vô thi không như thế nào? Đại Bồ-tát này thấy sinh tử vô thi đều vắng lặng. Gọi là không nghĩa là thường, lạc, ngã, tịnh thấy đều vắng lặng, không hề biến đổi. Chúng sinh, thọ mạng, Tam bảo, Phật tánh và pháp vô vi cũng vậy. Đó gọi là Bồ-tát quán vô thi không. Bồ-tát quán tánh không như thế nào? Đại Bồ-tát này quán bản tánh của tất cả các pháp đều là không, đó là các pháp: ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Quán tất cả các pháp như vậy mà không thấy có bản tánh, đó gọi là Đại Bồ-tát quán tánh không. Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không như thế nào? Như người không có con nói nhà cửa là trống không, quán không rốt ráo thì không có thân yêu. Người ngu si cho các phương là không, người bần cùng nói tất cả là không; những kiến chấp như vậy là hoặc không, hoặc chẳng phải không. Khi Bồ-tát quán như người bần cùng cho là tất cả đều không, thì gọi là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không. Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không như thế nào? Đây thiện nam! Khi Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không, biết là mất này lúc sinh không từ đâu đến và lúc diệt cũng không đi về đâu, vốn là không nay lại có, đã có trở lại không, suy xét thật tánh của nó thì không có mất, không có chủ thể, như mất đã không tánh thì tất cả các pháp cũng như vậy. Những gì gọi là Đệ nhất nghĩa không? Có nghiệp, có quả báo, không thấy có người tạo tác, pháp không như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa không. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không. Đại Bồ-tát quán Không không như thế nào? Trong Không không này, chính là chỗ mê lầm, chìm đắm của hàng Thanh văn và Phật-bích-chi v.v... Đây thiện nam! Là có, là không, đó gọi là Không không; là phải, chẳng phải là phải, đó gọi là Không không. Đây thiện nam! Đối với pháp này, hàng Bồ-tát Thập trụ còn thông đạt chỉ phần nhỏ giống như vi trần, huống gì là những người khác. Đây thiện nam! Không không như vậy, cũng chẳng giống với Tam-muội Không không mà hàng Thanh văn chứng đắc. Đó là Bồ-tát quán về Không không. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát quán Đại không như thế nào? Đây thiện nam! Nói Đại không nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật, đó gọi là Đại không. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát chứng đắc các pháp môn về không như vậy thì được trụ nơi Địa



Hư không đẳng (ngang bằng với hư không). Nay thiện nam! Nay Ta ở trong đại chúng này, khi thuyết giảng về các nghĩa của không như vậy, có mười hằng hà sa Đại Bồ-tát liền được trụ ở địa Hư không đẳng. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa này rồi, đối với tất cả các pháp không bị chướng ngại, ràng buộc, chấp thủ, tâm không mê mờ. Vì nghĩa này nên gọi là địa Hư không đẳng. Nay thiện nam! Ví như hư không đối với sắc đáng ưa không hề tham đắm, đối với sắc không đáng ưa cũng không hề sân hận. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, đối với sắc đẹp, tâm xấu cũng không hề tham đắm hay sân hận. Nay thiện nam! Ví như hư không rộng lớn vô cùng, có thể dung chứa hết tất cả các vật. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, rộng lớn vô cùng, có thể dung chứa được hết tất cả các pháp. Do nghĩa này nên lại được gọi là địa Hư không đẳng.

Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này, đối với tất cả các pháp đều thấy, đều biết, hoặc hành, hoặc duyên, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc nhân, hoặc duyên, hoặc tâm chúng sinh, hoặc căn, hoặc thiện định, hoặc thừa, hoặc thiện tri thức, hoặc thọ trì giới cấm, hoặc đối tượng bố thí. Tất cả các pháp như vậy, Bồ-tát ấy đều thấy, đều biết. Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết? Biết phương pháp nhịn đói, nhảy xuống vực sâu, chạy vào lửa, tự nhảy xuống từ ngọn núi cao, luôn đứng co một chân, năm thứ nóng đốt thân, luôn nằm trên tro, đất, gai góc, lá cây đan lại, cỏ gai, phân bò, mặc y phục bằng gai thô xấu vứt bỏ trong gò mả, áo lông phấn tảo, áo vải thô khâm-bà-la, da nai, da hươu, áo quần bằng cỏ khô, ăn rau, ăn cỏ, ngó sen, rẽ cây, cặn dầu, phân bò, quả, củ. Nếu đi khát thực thì chỉ giới hạn trong một nhà, nếu chủ nhà nói không có thì liền đi ngay. Giả sử họ có kêu trở lại cũng không bao giờ nhìn lại. Không ăn muối, thịt và năm loại làm từ sữa bò, chỉ luôn uống nước trấu, nước nóng, nước sôi, giữ giới bò, giới chó, giới gà, giới trĩ; lấy tro trét lên thân, để tóc dài làm tướng; khi đem dê để cúng tế, trước chú nguyện sau đó đem giết; thờ lửa bốn tháng, hớp gió bảy ngày, đem trăm ngàn ức hoa cúng dường chư Thiên, cho là những điều mong muốn nhờ đây được thành tựu. Các pháp như vậy mà có thể làm nhân giải thoát vô thượng, điều này

không thể có. Đó gọi là biết. Thế nào là chẳng thấy? Đại Bồ-tát không thấy một người nào thực hành các pháp như vậy mà được giải thoát chân chánh. Đó gọi là chẳng thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng thấy cũng biết. Thấy những việc gì? Thấy các chúng sinh tu theo pháp như thế chắc chắn bị đọa vào địa ngục. Đó gọi là thấy. Thế nào là biết? Biết các chúng sinh ra khỏi địa ngục được sinh trong loài người, nếu có thể tu hành Bồ thí Ba-la-mật, cho đến đầy đủ các Ba-la-mật thì người ấy chắc chắn đạt được giải thoát chân chánh. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng có thể vừa thấy vừa biết. Thế nào là thấy? Thấy thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Đó gọi là thấy. Thế nào là biết? Biết các Đức Như Lai chắc chắn không nhập Niết-bàn hoàn toàn, biết thân Như Lai là kim cương, không hư hoại, chẳng phải là thân do phiền não tạo thành, lại chẳng phải là thân như uế, tan rã. Lại biết được tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng có thể vừa biết vừa thấy. Thế nào là biết? Biết chúng sinh này có lòng tin vững chắc, biết chúng sinh này cầu pháp Đại thừa. Người này là thuận dòng, người này là ngược dòng, người này an trụ chánh pháp, biết chúng sinh này đã đến bờ kia. Người thuận dòng gọi là hạng phàm phu. Người ngược dòng là từ Tu-đà-hoàn cho đến Duyên giác. Người an trụ nơi chánh pháp là các hàng Bồ-tát. Bậc đã đến bờ kia gọi là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Đó gọi là biết. Thế nào là thấy? Đại Bồ-tát an trụ nơi kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa, tâm hành phạm hạnh, dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sinh tạo ba nghiệp ác thân, miệng, ý, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; thấy các chúng sinh tu nghiệp thiện, sau khi chết được sinh vào chư Thiên, loài người, thấy các chúng sinh từ nơi tối tăm vào nơi tối tăm, có các chúng sinh từ trong tối tăm ra nơi ánh sáng, có các chúng sinh từ nơi ánh sáng vào chỗ tối tăm, có các chúng sinh từ nơi ánh sáng vào nơi ánh sáng. Đó gọi là thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có thể vừa biết vừa thấy. Đại Bồ-tát biết các chúng sinh tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, biết hiện tại người này đã tạo các nghiệp ác, hoặc do tham dục, sân hận, ngu si, do những nghiệp này nên chắc chắn bị đọa vào địa ngục thọ báo, còn

những người này nhờ tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên hiện tại chỉ chịu quả báo nhẹ, không bị đọa vào địa ngục. Vì sao nghiệp này lại có thể nhận lấy quả báo trong hiện tại? Vì phát lồ sám hối các việc ác đã tạo, sau khi sám hối xong, không bao giờ dám tái phạm. Vì biết hổ thẹn, cúng dường Tam bảo, luôn tự trách mình nên người này nhờ nhân duyên nghiệp thiện ấy mà không bị đọa vào địa ngục, hiện tại chịu quả báo như: nhức đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, bị chết vì hoạn nạn, bị quả trách, mắng nhiếc, bị đánh đập, bị nhốt, bị trói, đói khát khốn khổ, biết đời này chịu những quả báo nhẹ như vậy, đó gọi là biết. Thế nào là thấy? Đại Bồ-tát thấy người như vậy, không thể tu tập về thân, giới, tâm, tuệ, tạo ít nghiệp ác. Do nhân duyên của nghiệp ấy đáng lẽ đời này chịu quả báo nhưng người này tạo ít nghiệp ác mà không hề sám hối, không tự trách mình, không biết hổ thẹn, cũng không sợ hãi, nên nghiệp ác tăng trưởng phải chịu quả báo nơi địa ngục, đó gọi là thấy. Lại có biết mà không thấy. Thế nào là biết mà không thấy? Biết các chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng bị các phiền não che lấp nên không thể thấy được. Đó gọi là biết mà không thấy. Lại có biết mà thấy ít. Đại Bồ-tát Thập trụ biết các chúng sinh đều có Phật tánh, thấy mà không rõ ràng. Giống như đêm tối nên không thấy rõ. Lại cũng có thấy, có biết. Đó là chư Phật Như Lai vừa thấy vừa biết. Lại cũng có thấy có biết, không thấy không biết. Cũng thấy cũng biết, nghĩa là thấy biết tất cả văn tự, ngôn ngữ, nam nữ, xe cộ, bình chạ, nhà cửa, thành ấp, y phục, đồ ăn thức uống, núi sông, vườn rừng, chúng sinh và thọ mạng trong thế gian. Đó gọi là cũng thấy cũng biết. Thế nào là không thấy không biết? Lời nói bí mật vi diệu của Thánh nhân là không có nam nữ cho đến vườn rừng v.v... Đó gọi là không thấy không biết. Lại có biết mà không thấy. Biết vật bố thí, biết nơi cúng dường, biết người nhận, biết nhân duyên quả báo, đó gọi là biết. Thế nào là chẳng thấy? Chẳng thấy vật bố thí, nơi cúng dường, người nhận và quả báo, đó gọi là chẳng thấy. Cái biết của Đại Bồ-tát có tám loại, tức là cái biết bằng năm nhãn của Như Lai.

